

Số: 03 /QĐ-UBND

Cẩm Mỹ, ngày 05 tháng 01 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai tình hình thực hiện
dự toán ngân sách năm 2018 trên địa bàn huyện**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/06/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 18/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của Hội đồng Nhân dân huyện Cẩm Mỹ về điều chỉnh bổ sung dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2018 (đợt 2) huyện Cẩm Mỹ.

Căn cứ Nghị quyết số 19/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của Hội đồng Nhân dân huyện Cẩm Mỹ về điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2018 (đợt 2);

Xét đề nghị của Phòng Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số 03/TTr-TCKH ngày 04/01/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách năm 2018 trên địa bàn huyện.

(Đính kèm các phụ biểu có liên quan)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, Giám đốc Kho bạc Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị huyện và Chủ tịch UBND các xã chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Tài Chính;
- Sở KH&ĐT
- Huyện Ủy (để báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Như điều 3;
- Trang thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT-TH (các khối).

CHỦ TỊCH



Trần Văn Chiến



CÁN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2018

(Kèm theo Quyết định số: 03 /QĐ-UBND ngày 05 /01/2019 của UBND huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 1	Thực hiện năm 2018 2	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm 3=2/1	Cùng kỳ năm trước 4
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN				
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN	104.050	145.180	139,53	135,96
I	Thu cân đối NSNN	104.050	145.180	139,53	135,96
1	Thu nội địa	104.050	145.180	139,53	135,96
2	Thu viện trợ			-	-
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang			-	-
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	695.691	777.936	111,82	89,71
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	695.691	777.936	111,82	89,71
1	Chi đầu tư phát triển	145.083	216.718	149,38	70,38
2	Chi thường xuyên	508.595	561.218	110,35	100,36
3	Dự phòng ngân sách	12.839	0	0,00	-
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh	0	0	-	-



THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2018

(Kèm theo Quyết định số: 03 /QĐ-UBND ngày 06 /01/2019 của UBND huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện năm 2018	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	104.050	145.180	139,53	135,96
I	Thu nội địa	104.050	145.180	139,53	135,96
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước			-	-
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài			-	-
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	29.000	31.972	110,25	100,04
4	Thuế thu nhập cá nhân	15.800	26.153	165,53	161,46
5	Thuế bảo vệ môi trường			-	-
6	Lệ phí trước bạ	43.000	55.145	128,24	139,78
7	Thu phí, lệ phí	3.400	3.134	92,18	93,30
8	Các khoản thu về nhà, đất	6.150	21.900	356,10	230,62
-	<i>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</i>			-	-
-	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	150	230	153,33	112,75
-	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	6.000	21.104	351,73	227,95
-	<i>Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước</i>		566	-	1.664,71
-	<i>Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước</i>			-	-
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết			-	-
10	Thu ngân sách khác	5.930	5.926	99,93	108,16
11	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	770	950	123,38	113,23
II	Thu viện trợ			-	-
B	THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	71.339	99.232	139,10	140,83
1	Từ các khoản thu phân chia	24.539	38.870	158,40	142,02
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	46.800	60.362	128,98	140,08



ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ
THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2018

(Kèm theo Quyết định số: 05 /QĐ-UBND ngày 05 /01/2019 của UBND huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện năm 2018	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NSNN HUYỆN	695.691	777.936	111,82	89,71
A	CHI CÁN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	695.691	777.936	111,82	89,71
I	Chi đầu tư phát triển	145.083	216.718	149,38	70,38
1	Chi đầu tư cho các dự án	145.083	216.718	149,38	70,38
2	Chi đầu tư phát triển khác			-	-
II	Chi thường xuyên	508.595	561.218	110,35	100,36
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	267.834	296.894	110,85	103,19
2	Chi khoa học và công nghệ			-	-
3	Chi y tế, dân số và gia đình	3.350	3.650	108,96	114,10
4	Chi Văn hoá thông tin	2.080	3.036	145,93	66,80
5	Chi phát thanh, truyền hình	1.590	1.891	118,92	51,07
6	Chi thể dục thể thao	1.132	1.035	91,46	45,14
7	Chi bảo vệ môi trường	11.100	17.304	155,89	333,41
8	Chi hoạt động kinh tế	47.003	44.135	93,90	65,93
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	100.996	120.398	119,21	100,08
10	Chi bảo đảm xã hội	27.311	31.743	116,23	104,76
11	Chi khác	12.695	3.288	25,90	96,56
III	Dự phòng ngân sách	12.839		0,00	-
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	0	0	-	-
1	Chương trình mục tiêu quốc gia			-	-
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư			-	-
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên			-	-